

Số: 1060/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 919/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 08 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông **Lê Tiến D**, sinh năm 1966; HKTT và ở tại: Tổ 40 phường B, thành phố Hà Nội. Căn cước công dân: 026066009xxx cấp ngày 04/08/2026 Nơi cấp: Bộ Công An.

* **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1968; HKTT và ở tại: Tổ 40 phường B, thành phố Hà Nội. Căn cước công dân: 030168011xxx cấp ngày 10/7/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 211, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 09 năm 2026;

XÉT THẤY

Ông Lê Tiến D và bà Nguyễn Thị Thu T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/03/1991 (Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 4) tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G (nay là phường B), thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống không hạnh phúc nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của ông bà được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 09 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Tiến D và bà Nguyễn Thị Thu T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Ông Lê Tiến D và bà Nguyễn Thị Thu T có hai con chung là anh Lê Quang T, sinh ngày 30/04/1991 và chị Lê Phương L, sinh ngày 01/01/2000 đều đã lập gia đình riêng. Do các con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông bà không cầu Toà án giải quyết.

- **Về tài sản chung:**

+ *Về tài sản chung là các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình:* Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa án không xem xét.

+ *Về tài sản chung là nhà ở và đất ở:* Ông bà thống nhất khai tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa án không xem xét.

- **Về công nợ chung:** Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa án không xem xét.

- **Về án phí:** Ông Lê Tiến D tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai số 0004346 ngày 20 tháng 08 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Ông Lê Tiến D được trả lại số tiền 150.000 đồng án phí còn thừa.

4. Hiệu lực của quyết định: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
 - VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
 - THADS TP. Hà Nội;
 - UBND phường B, TP. Hà Nội
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 4 ngày 27/03/1991);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Hồng Hạnh